

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC TRỌNG
TỈNH LÂM ĐỒNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 66/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 25/10/2018

V/v tranh chấp: Ly hôn giữa ông

Trần Văn T và bà Cao Thị H

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC TRỌNG, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Cao Đình Nhân

2. Bà Huỳnh Ngọc Anh

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Quốc Bảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Trọng tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Bàng – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 10 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 234/2018/TLST-HNGĐ ngày 18/5/2018 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Trần Văn T**, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Thôn N, xã G, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

2. Bị đơn: Bà **Cao Thị H**, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Thôn N, xã G, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Hiện đang chấp hành hình phạt tù tại Phân trại số , trại giam X, thị xã K, tỉnh Đồng Nai.

Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 09/5/2018, bản tự khai và lời khai tại phiên tòa nguyên đơn ông **Trần Văn T** trình bày: Ông và bà Cao Thị H kết hôn vào năm

2003, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, thành phố L, tỉnh Lâm Đồng. Quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc trong thời gian ngắn sau đó thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bà H ít có sự quan tâm, trách nhiệm đối với gia đình; giữa vợ chồng không có sự tôn trọng, tin tưởng và không có sự thông cảm, chia sẻ với nhau trong xây dựng hạnh phúc gia đình. Ngoài mâu thuẫn giữa vợ chồng, còn xảy ra mâu thuẫn trầm trọng giữa bà H và gia đình ông nên cuộc sống chung không có sự hòa hợp, thường xuyên xảy ra cãi vã, ông đã muốn giải quyết ly hôn nhưng vì con nên đã nhiều lần tạo điều kiện cho bà H thay đổi. Năm 2013, bà H dấu diếm chồng làm những việc phạm pháp ảnh hưởng đến uy tín, danh dự của gia đình và bị Tòa án xử phạt về tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản với hình phạt 12 năm tù, hiện nay đang chấp hành hình phạt tù tại Phân trại số , trại giam X, thị xã K, tỉnh Đồng Nai. Trong thời gian bà H chấp hành hình phạt tù, ông là người trực tiếp nuôi dưỡng các con chung và giải quyết nhiều khoản tiền nợ, tiền đền bù liên quan đến hành vi phạm tội của bà H. Nay ông xác định tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không có khả năng hòa giải đoàn tụ nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bà Cao Thị H.

Về con chung: Ông bà có 02 con chung tên Trần Thị TM, sinh ngày 03/7/2004 và Trần Trung H, sinh ngày 10/01/2006 hiện do ông T trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn ông Tyêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung Trần Thị TM, sinh ngày 03/7/2004 và Trần Trung H, sinh ngày 10/01/2006 cho đến ngày các con chung thành niên và không yêu cầu bà Cao Thị H cấp dưỡng nuôi các con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 14/6/2018, bị đơn bà Cao Thị H trình bày: Bà và ông Trần Văn T kết hôn vào năm 2003, có đăng ký kết hôn, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc, không có mâu thuẫn, tình trạng vợ chồng hiện nay bình thường và vẫn tin tưởng nhau. Bà không muốn ly hôn vì mong muốn các con có đầy đủ cha mẹ.

Về con chung: Ông bà có 02 con chung tên Trần Thị TM, sinh ngày 03/7/2004 và Trần Trung H, sinh ngày 10/01/2006 do ông T đang trực tiếp nuôi dưỡng. Do không đồng ý ly hôn nên bà H không có ý kiến về con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không được.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng:

Việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán chấp hành đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền theo quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; xác định đúng quan hệ tranh chấp, đúng người tham gia tố tụng, tổng đạt các giấy tờ cho đúng sự đúng theo quy định; vụ án được giải quyết đúng thời hạn quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn T về việc ly hôn đối với bà Cao Thị H, xử cho ông Trần Văn T được ly hôn với bà Cao Thị H; giao ông Trần Văn T trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung tên Trần Thị TM, sinh ngày 03/7/2004 và Trần Trung H, sinh ngày 10/01/2006 cho đến khi các con chung trưởng thành; ông Trần Văn T không yêu cầu bà Cao Thị H cấp dưỡng và không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xác định đây là vụ án “*Ly hôn*” giữa nguyên đơn ông Trần Văn T và bị đơn bà Cao Thị H theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Cao Thị H có đơn yêu cầu vắng mặt căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bà Cao Thị H.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Văn T và bà Cao Thị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, có tổ chức lễ cưới theo phong tục. Quá trình ông bà chung sống phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn theo nguyên đơn trình bày do bà H ít có sự quan tâm, trách nhiệm đối với gia đình; giữa vợ chồng không có sự tôn trọng và tin tưởng nhau nên cuộc sống chung không có sự hòa hợp, thường xuyên xảy ra cãi vã. Từ năm 2013, bà H phạm tội và hiện nay đang chấp hành hình phạt tù tại Phân trại số , trại giam X, thị xã K, tỉnh Đồng Nai. Xét thấy hôn nhân giữa ông Trần Văn T và bà Cao Thị H mâu thuẫn trầm trọng; giữa vợ chồng không còn sự quan tâm, chăm sóc; đời sống chung đã chấm dứt; mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu của ông Trần Văn T được ly hôn bà Cao Thị H.

[3] Về con chung: Trong quá trình chung sống ông Trần Văn T và bà Cao Thị H có 02 con chung là cháu Trần Thị TM, sinh ngày 03/7/2004 và Trần Trung H, sinh ngày 10/01/2006 nên ông bà đều có trách nhiệm nuôi dưỡng và chăm sóc. Trong thời gian vợ chồng không cùng chung sống, ông Trần Văn T trực tiếp nuôi dưỡng các con chung và yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng các con chung cho đến khi đến tuổi thành niên, nguyện vọng của cháu Trần Thị TM và Trần Trung H muốn ở với ông Trung. Xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa hôm nay để đảm bảo cho việc ổn định cuộc sống, phát triển bình thường của các con chung và phù hợp với nguyện vọng của con chung muốn ở với ông T cần giao ông Trần Văn T trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung tên Trần Thị TM, sinh ngày 03/7/2004 và Trần Trung H, sinh ngày 10/01/2006 cho đến khi các con chung thành niên. Ông Trần Văn T không yêu cầu bà Cao Thị H cấp dưỡng nuôi các con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Ông Trần Văn T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 51; 56; 71; 81; 82; 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, Điều 147, 220, 227, 228, 264, 266, 267 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử:

1. Cho ly hôn giữa ông Trần Văn T và bà Cao Thị H.

2. Về con chung:

Giao ông Trần Văn T trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung tên Trần Thị TM, sinh ngày 03/7/2004 và Trần Trung H, sinh ngày 10/01/2006 cho đến khi các con chung thành niên.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; quyền yêu cầu cấp dưỡng được thực hiện theo quy định Luật Hôn nhân và Gia đình.

3. Về án phí:

Buộc ông Trần Văn T phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo phiếu thu số AA/2016/0005825 ngày 18/5/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Trọng. Ông Trần Văn T đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Đức Trọng;
- Chi cục THA DS huyện Đức Trọng;
- UBND xã L;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Hạnh